TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 01 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Bế Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Duy Thanh; Ông Y Tha Mlô.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 375/2023/TLST – HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn và nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST - HNGĐ ngày 08/01/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phan Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk (Có mặt);

*** Bị đơn:** Anh Trần Mậu V, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Tôi và anh Trần Mậu V tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20 tháng 02 năm 2000, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, vài năm gần đây vợ chồng không còn hợp quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn, hai vợ

chồng tính cách không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tôi cũng không còn tình cảm với anh V nữa, chúng tôi đã ly thân được hơn một năm nay nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn.

- Về con chung: Tôi và anh Trần Mậu V có 02 con chung: Cháu Trần Mậu A, sinh năm 2001 và cháu Trần Phan Diệu L, sinh ngày 18/7/2019.

Tôi đề nghị tòa án giải quyết giao cháu Trần Phan Diệu L cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Đối với cháu A đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên tôi không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con do chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Mậu V mặc dù đã được tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ nhưng anh Trần Mậu V vắng mặt không có lý do.*

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T, chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trần Mậu V.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Phan Diệu L, sinh ngày 18/7/2019 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn có nơi cư trú tại xã E, huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Trần Mậu V nhưng anh V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Mậu V là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị Phan Thị T và anh Trần Mậu V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 02 năm 2000, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua lời khai của chị T và xác minh tại địa phương đều cho thấy quá trình chung sống, chị T và anh V thường bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã, thậm chí là đánh đập nhau. Hiện nay, hai vợ chồng vợ chồng đã ly thân, không sống chung với nhau nữa. Trong thời gian đó hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc chị T xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Tràn Mậu V1 có 02 con chung là cháu Trần Mậu A, sinh năm 2001 và cháu Trần Phan Diệu L, sinh ngày 18/7/2019. Qua lời khai của chị T và Biên bản xác minh tại địa phương ngày 22/11/2023, cho thấy hiện nay cháu Trần Phan Diệu L đang sống cùng chị T tại thôn A, xã E, và do chị T trực tiếp nuôi ăn học. Còn anh V1 bỏ ra ngoài sinh sống, không sống chung và chăm lo cho con. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Trần Phan Diệu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp. Đối với cháu Trần Mậu A, hiện này đã 23 tuổi, sống mạnh khỏe nên HĐXX không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Thanh V2 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trần Mậu V.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Phan Diệu L, sinh ngày 18/7/2019 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trần Mậu V được quyền đi lại thăm nom con chung, chị T không được ngăn cản quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014658 ngày 18/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh ĐắkLắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk;
- VKSND huyện CưM'gar;
- THADS huyện Car;
- UBND xã E;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bế Văn Toàn